

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Ông Phan Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **P T M T**, sinh năm: 1979. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xã TH, Tp PR TC, T NT.

2. *Bị đơn:* Ông **N T D**, sinh năm: 1971. (vắng mặt)

Nơi cư trú: H BC, TP H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, bản tự khai và tại các phiên hòa giải, nguyên đơn bà P T M T trình bày: Bà P T M T và ông N T D chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà P T M T và ông N T D đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà P T M T yêu cầu được ly hôn với ông N T D.

Về con chung: Bà P T M T xác nhận bà và ông N T D có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Nhi (nữ) sinh ngày 06/4/2006. Hiện nay trẻ Nhi đang sống chung với ông Dũng nên bà Tuyên đồng ý giao trẻ Nhi cho ông Dũng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà Tuyên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tuyền xác nhận không có.

Ngoài ra bà Tuyền không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông N T D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Dũng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P T M T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà P T M T nộp đơn xin ly hôn với ông N T D tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N T D hiện đang cư trú tại H BC, TP H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông N T D đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông Dũng vẫn vắng mặt và bà P T M T thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyền và ông Dũng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Dũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông Dũng đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông Dũng phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Tuyền và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P T M T và ông N T D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tuyền xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Tuyền yêu cầu được ly hôn với ông Dũng để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Tuyền hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Tuyền thì quan hệ vợ chồng của bà Tuyền và ông Dũng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên bà Tuyền và ông Dũng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tuyền và ông Dũng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh xác nhận quá trình sống chung tại địa phương ông Dũng và bà Tuyền không còn sống chung với nhau từ khoảng 2 (hai) năm đến 3 (ba) năm.

Mặt khác, do ông Dũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông Dũng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông Dũng không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tuyền đối với ông Dũng.

[4] Về con chung: Bà P T M T xác nhận bà và ông Dũng chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Minh Nhi (nữ) sinh ngày 06/4/2006, hiện nay trẻ Nhi đang sống chung với ông Dũng. Sau khi ly hôn bà Tuyền đồng ý giao trẻ Nhi cho ông Dũng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà Tuyền không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Công văn trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/11/2021 xác nhận hiện nay trẻ Nguyễn Minh Nhi đang sống cùng với ông Dũng tại địa chỉ 1031/5 ấp 3A xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời ý kiến của trẻ Nguyễn Minh Nhi xác nhận nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ Nguyễn Minh Nhi muốn sống với ba.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy hiện nay trẻ Nhi đang sống chung với ông Dũng và bà Tuyền cũng đồng ý giao trẻ Nhi cho ông Dũng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nhi cho ông Dũng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Nhi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do ông Dũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Dũng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Mặt khác bà Tuyền có yêu cầu được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà Tuyền, nếu sau này các đương sự có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Do bà Tuyền xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông Dũng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do bà Tuyền xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông Dũng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà P T M T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P T M T đối với ông N T D.

Bà P T M T được ly hôn với ông N T D. Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Minh Nhi (Giới tính: nữ) sinh ngày 06/4/2006 cho ông N T D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nhi đối với bà Tuyên cho đến khi ông Dũng có yêu cầu.

Bà P T M T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà P T M T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà P T M T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà P T M T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Tuyên đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080933 ngày

29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tuyền đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- UBND Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hưng

